

New ch
or



190500579-002 2/2 ④

越南 EDC

2019/11/05

证明书

CERTIFICATE



中国国际贸易促进委员会暨中国国际商会

China Council for the Promotion of International Trade is China Chamber of International Commerce

中国国际贸易促进委员会

China Council for the Promotion of International Trade
China Chamber of International Commerce

证明书

CERTIFICATE



号码 No. 191100B0/071800

兹证明：在所附授权函上的淄博东迈国际贸易有限公司的印章属实。

THIS IS TO CERTIFY THAT: the seal of ZIBO EASTMED HEALTHCARE PRODUCTS CO., LTD. on the annexed LETTER OF AUTHORISATION is genuine.



China Council for the Promotion
of International Trade



授权签字:

Authorized
Signature:

Lyu Cuilian

日期: 2019年10月15日
(Date: Oct. 15, 2019)

ZIBO EASTMED HEALTHCARE PRODUCTS CO., LTD

Address: No. 118, Huaguang Road, Zhangdian District, Zibo 255000 Shandong China

Ngày 28 tháng 09 năm 2019

Date: Sep. 28. 2019

No: 2019-VN01-ZIBO

GIẤY ỦY QUYỀN LETTER OF AUTHORISATION

Kính gửi: Bộ Y Tế (Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế)
To: Ministry of Health (Department of Medical Equipment and Construction)

Chúng tôi, ZIBO EASTMED HEALTHCARE PRODUCTS CO., LTD, Địa chỉ: No. 118, Huaguang Road, Zhangdian District, Zibo 255000 Shandong China, với tư cách là chủ sở hữu trang thiết bị y tế bằng văn bản này ủy quyền cho: HUNG PHAT MEDICAL EQUIPMENT CO.,LTD. Địa chỉ: D7/9, Quốc lộ 1A, Khu Phố 4, Thị Trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh- Tp.HCM, Việt Nam được lưu hành tại thị trường Việt Nam các trang thiết bị y tế sau:

We, ZIBO EASTMED HEALTHCARE PRODUCTS CO., LTD, located: No. 118, Huaguang Road, Zhangdian District, Zibo 255000 Shandong China, as the legal manufacturer product owner do hereby authorize HUNG PHAT MEDICAL EQUIPMENT CO.,LTD, located: D7/9,1A Road, Ward 4,Tan Tuc Town, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City, Viet Nam to apply for circulate in Viet Nam market the medical devices as attached appendix:

Chúng tôi cam kết cung cấp, hỗ trợ các yêu cầu liên quan đến thông tin, chất lượng và bảo đảm các điều kiện về bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng và cung cấp vật tư, phụ kiện thay thế trang thiết bị y tế nêu trên.

We are commit to provide and support the requirements related to information, ensuring quality and warranty conditions, maintenance, maintenance and provision of supplies, accessories replacement medical equipment as above.

Thư ủy quyền này hiệu lực đến thời điểm: 16/09/2024.

This authorization letter is valid until: 16/09/2024.

Người đại diện hợp pháp của Chủ sở hữu.

Ký tên (Ghi rõ họ tên đầy đủ, chức danh).

Xác nhận bằng dấu hoặc chữ ký số

Legitimate representative of legal manufacturer (product owner)

Signature (Full name and title)

Confirmed by stamp or signature



ATTACHED APPENDIX

	PRODUCT NAME	MODEL
01	Sterile syringes for single use	1ml, 2ml, 3ml, 5ml, 10ml, 20ml, 30ml, 50ml, 60ml, 100ml
02	Sterile safety Auto Disable Syringes For Single Use	0.5ml, 1ml, 2ml, 3ml, 5ml, 10ml, 20ml
03	Sterile insulin syringes for single use	0.3ml, 0.5ml, 1ml
04	Insulin needles for single use	0.3ml, 0.5ml, 1ml
05	Sterile infusion sets for single use	DM002, DM003, DM004, DM018, DM019, DM020, DM005, DM020
06	Blood transfusion sets	DMYX-02, DMYX-03, DMYX-04, DMYX-05
07	Sterile intravenous needle for single use (scalp vein set)	18G, 19G, 20G, 21G, 22G, 23G, 24G, 25G, 27G
08	Sterile hypodermic needles for single use	14G, 15G, 16G, 18G, 19G, 20G, 21G, 22G, 23G, 24G, 25G, 26G, 27G, 28G, 29G, 30G, 31G
09	Sterile three-way stopcocks for single use	3-Way
10	Three-way Stopcock and Extension tube	3-way-10, 3-way-25, 3-way-30, way-50, 3-way-60; 3-way -80, 3-way-100, 3-way-120, 3-way-150
11	Infusion set with burette	100ml, 120ml, 150ml
12	I.V. Cannula for single use	14G, 16G, 18G, 20G, 22G, 24G
13	Disposable surgical blades (with and without handle)	10#, 11#, 12#, 15#, 20#, 21#, 22#, 23#, 24#, 25#
14	Sterile and non-sterile nebulizer masks	XL, L, M, S, XS
15	Sterile and non-sterile oxygen masks	XL, L, M, S, XS
16	Sterile and non-sterile nasal oxygen cannula	Adult standard, pediatric standard, infant standard Adult flared
17	Sterile urine bags for Single use	Without outlet, push-pull valve, with T valve
18	Sterile vaginal dilators for single use	L, M, S
19	Endotracheal tube for single use	With cuff, without cuff
20	Disposable suction catheter for use in respiratory tract	Fr4, Fr5, Fr6, Fr8, Fr10, Fr12, Fr14, Fr16, Fr18, Fr20, Fr22, Fr24
21	Nelaton catheter sterile	Fr4, Fr5, Fr6, Fr8, Fr10, Fr12, Fr14, Fr16, Fr18,



		Fr20, Fr22, Fr24
22	Disposable stomach catheter	Fr4, Fr5, Fr6, Fr8, Fr10, Fr12, Fr14, Fr16, Fr18, Fr20, Fr22, Fr24
23	Sterile heparin cap for single use	Yellow type, transparent type
24	Latex surgical gloves/ Sterile latex examination gloves	6, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, 9.0/ L, M, S
25	Blood collection sets for single use	All sizes
26	Sterile dental needles for Single use	All sizes
27	Sterile blood lancets	All sizes
28	Plastic blood bag	All sizes
29	Lap sponage	All sizes
30	Surgical brush Sterile	All sizes
31	Spinal needle Sterile	All sizes
32	Epidural needle Sterile	All sizes
33	Surgical face mask	All sizes
34	Medical clothing	All sizes
35	Disposable shoe cover	All sizes
36	Disposable Hemodialysis catheter kit	All sizes
37	Cervical brush	All sizes
38	Electrocautery pencil	All sizes
39	Disposable feeding tube	Fr4, Fr5, Fr6, Fr8, Fr10, Fr12, Fr14, Fr16, Fr18, Fr20, Fr22
40	Foley catheters for single use	Fr6, Fr8, Fr10, Fr12, Fr14, Fr16, Fr18, Fr20, Fr22, Fr24, Fr26
41	Disposable syringe ear ball	All sizes
42	Mercury thermometer	Oral, rectal
43	Disposable three-spring evacuators kits	All sizes
44	Disposable umbilical cord clamp	One pin, two pins
45	Disposable pediatric urine bag	100ml, 200ml
46	Connecting tube with yankauer handle	All sizes



	Sterile infusion sets with flow regulator	All sizes
48	Gauze roll/ gauze pad	All sizes
49	Wound plaster	All sizes
50	Wound dressing	All sizes
51	Medical tape	Silk tape, zinc oxide tape





认字第190500579-002号

兹证明前面文书上中国国际贸易促进委员会授权签字人(吕翠连)的印章和签字属实。



中华人民共和国外交部
领事司一等秘书
元年一月二十一日

段平



00256234



ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI CHND TRUNG HOA
Embassy of the S.R of Vietnam in the P.R of China

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ
CONSULAR AUTHENTICATION

1. Quốc gia : VIỆT NAM Country: Vietnam

2. do Ông(Bà) *Fu Wenping* ký
Giấy tờ, tài liệu này/ This public document has been signed by

3. với chức danh/ acting in the capacity of
Bí thư thứ Nhất

4. và con dấu của Vụ Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Trung Quốc/bears the seal/stamp of Consular Dept of MOFA of the P.R of China

được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự/ Certified

5. tại Bắc Kinh/at Beijing 6. Ngày/theo *22/10/2019*

7. Cơ quan cấp: Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại CHND Trung Hoa/By the Embassy of the S.R of Vietnam in the P.R of China

8. Số/No *13930/2019*

T/L Đại sứ /For the Ambassador
Bí thư thứ Hai/Second Secretary



Nguyễn Cao Sơn